

học sinh nói riêng, góp phần động viên và khích lệ tinh thần hiếu học của các em học sinh dân tộc nghèo. Chuyên thăm cũng là dịp để cán bộ của Viện thâm nhập thực tế và nắm bắt thông tin, hiểu sâu hơn đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân vùng ven biên giới và hoạt động thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc tại khu vực này.

**PHƯƠNG HOA**

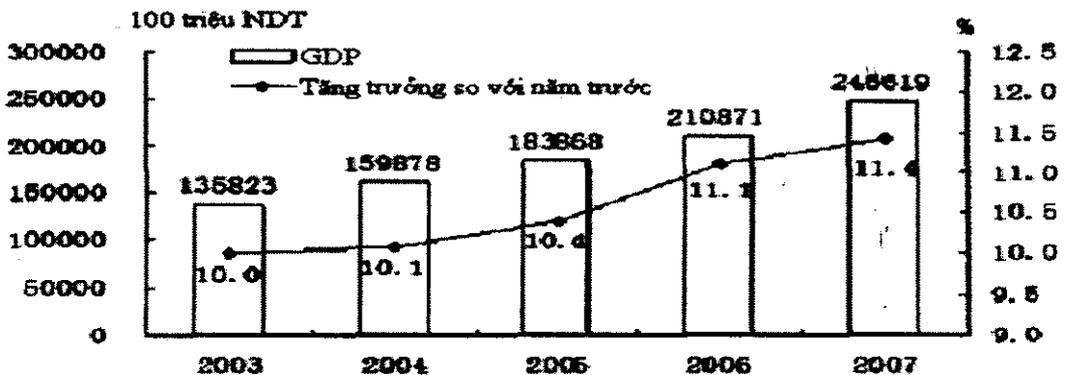
**TƯ LIỆU**

**▣ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRUNG QUỐC NĂM 2007**

Năm 2007, theo tính toán sơ bộ, GDP cả năm của Trung Quốc đạt 24.661,9 tỉ NDT, tăng trưởng 11,4% so với năm

trước. Phân theo ngành nghề, giá trị gia tăng nhóm ngành nghề thứ I là 2.891 tỉ NDT, tăng trưởng 3,7%; giá trị gia tăng nhóm ngành nghề thứ II là 12.138,1 tỉ NDT, tăng trưởng 13,4%; giá trị gia tăng nhóm ngành nghề thứ III là 9.632,8 tỉ NDT, tăng trưởng 11,4%. Giá trị gia tăng của nhóm ngành nghề thứ I chiếm tỉ trọng 11,7% GDP, bằng với mức năm trước; giá trị gia tăng của nhóm ngành nghề thứ II chiếm tỉ trọng 49,2% GDP, tăng 0,3%; tỉ trọng giá trị gia tăng của nhóm ngành nghề thứ III là 39,1%, giảm 0,3%. Phân theo quý, quý I tăng trưởng 11,1%, quý II tăng trưởng 11,9%, quý III tăng trưởng 11,5%, quý IV tăng trưởng 11,2%.

*Biểu đồ 1: GDP và tốc độ tăng trưởng GDP năm 2003 - 2007*



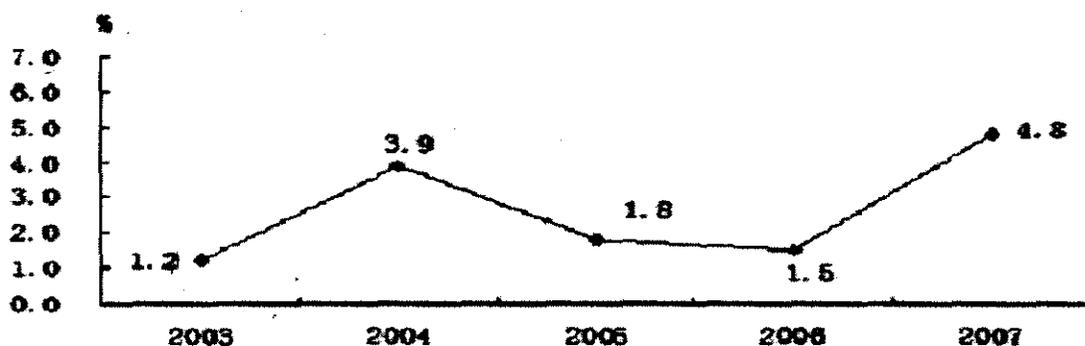
Giá tiêu dùng dân cư tăng 4,8% so với năm trước, trong đó giá thực phẩm tăng 12,3%. Giá bán lẻ hàng hoá tăng 3,8%. Giá đầu tư tài sản cố định tăng 3,9%. Giá xuất xưởng hàng công nghiệp tăng

3,1%, trong đó giá tư liệu sản xuất tăng 3,2%, giá tư liệu sinh hoạt tăng 2,8%. Giá mua vào nguyên vật liệu, nhiên liệu và sức lao động tăng 4,4%. Giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 18,5%. Giá

## THÔNG TIN – TƯ LIỆU

bán nhà ở 70 thành phố lớn và vừa tăng 8,2%, giá nhà cũ tăng 7,4%; giá thuê nhà tăng 2,6%, trong đó giá nhà mới xây dựng tăng 7,6%.

**Biểu đồ 2: Biên độ tăng giảm giá tiêu dùng dân cư năm 2003 - 2007**



**Bảng 1: Biên độ tăng giảm giá tiêu dùng dân cư năm 2007 so với năm trước**

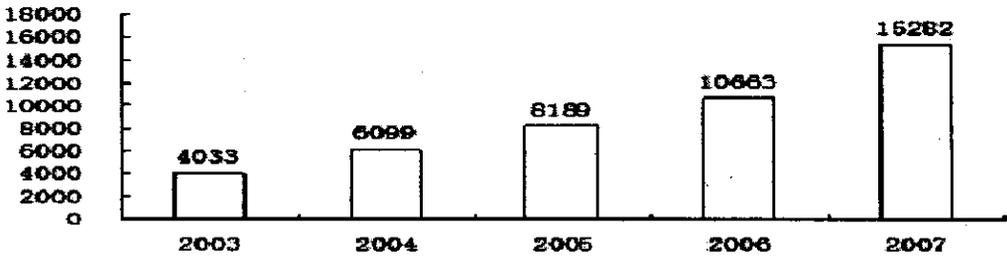
Đơn vị: %

Chỉ tiêu	Cả nước		
		Thành phố	Nông thôn
Giá tiêu dùng dân cư	4.8	4.5	5.4
Thực phẩm	12.3	11.7	13.6
Trong đó: Lương thực	6.3	6.4	6.2
Thịt gia cầm và chế phẩm từ thịt gia cầm	31.7	31.6	31.8
Dầu mỡ	26.7	25.5	28.3
Trứng tươi	22.9	23.0	22.8
Rau tươi	7.3	6.6	9.4
Quả tươi	0.1	-0.2	1.0
Thuốc lá, rượu và đồ dùng	1.7	1.8	1.6
Quần áo	-0.6	-0.9	0.2
Đồ dùng thiết bị gia đình và dịch vụ	1.9	1.9	2.1
Chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe và đồ dùng cá nhân	2.1	1.7	2.8
Giao thông và thông tin	-0.9	-1.6	0.6
Đồ dùng văn hoá, giáo dục, giải trí và dịch vụ	-1.0	-0.7	-1.6
Cư trú	4.5	4.5	4.4

Tính đến cuối năm 2007, cả nước có 769,9 triệu người đang làm việc, tăng 5,9 triệu người. Trong đó số người làm việc ở thành thị là 293,5 triệu người, tăng thực tế 10,04 triệu người, tăng mới 12,04 triệu người. Cuối năm tỉ lệ đăng ký thất nghiệp ở thành thị là 4%, giảm 0,1% so với cuối năm trước.

Tính đến cuối năm dự trữ ngoại tệ quốc gia là 1.528,2 tỉ USD, tăng 461,9 tỉ USD so với cuối năm trước. Cuối năm tỉ giá hối đoái đồng NDT là 1USD đổi 7,3046 NDT, tăng 6,9% giá trị so với cuối năm trước.

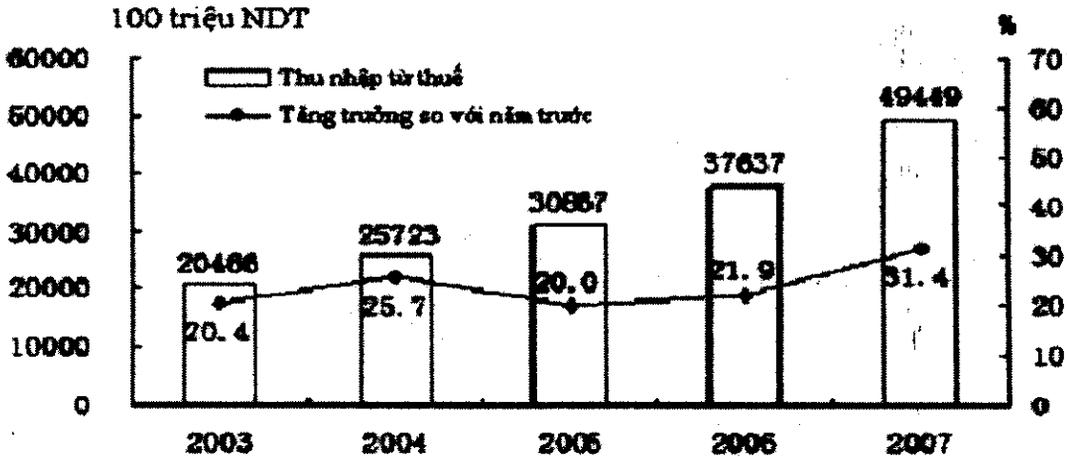
**Biểu đồ 3: Dự trữ ngoại tệ quốc gia cuối các năm 2003 - 2007**  
100 triệu USD



Cả năm thu nhập từ thuế là 4.944,9 tỉ NDT (không bao gồm thuế xuất nhập khẩu, thuế chiếm dụng đất nông nghiệp và

thuế trước bạ), tăng thêm 1.181,3 tỉ NDT, tăng trưởng 31,4%.

**Biểu đồ 4: Thu nhập từ thuế và tốc độ tăng trưởng năm 2003 - 2007**



**2. Nông nghiệp**

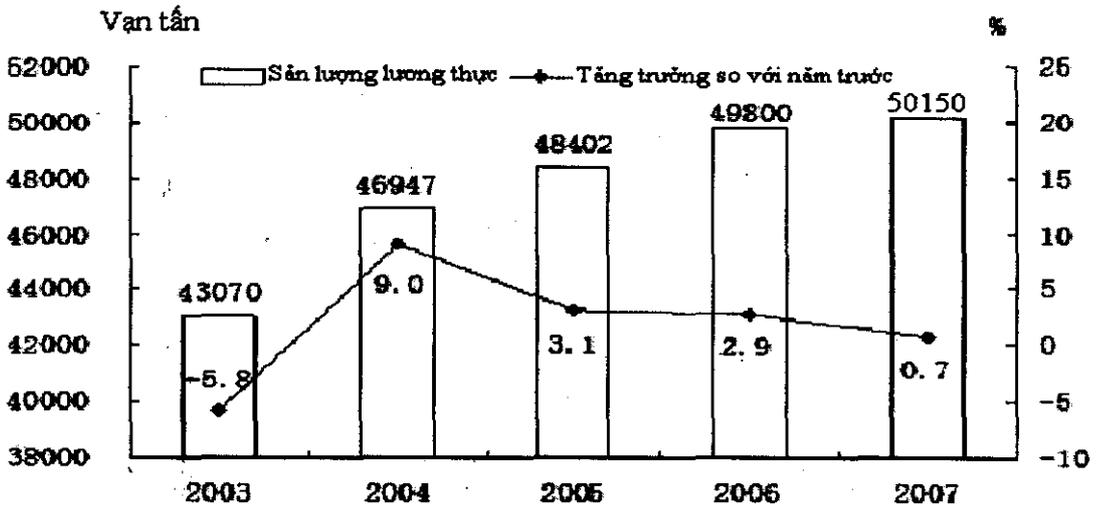
Diện tích trồng cây lương thực cả năm là 105,53 triệu ha, tăng thêm 0,7 triệu ha so với năm trước; diện tích trồng bông là

5,59 triệu ha, tăng thêm 70.000 ha; diện tích trồng cây nguyên liệu dầu là 10,94 triệu ha, giảm 0,6 triệu ha; diện tích trồng cây nguyên liệu đường là 1,67 triệu ha, tăng thêm 0,1 triệu ha.

Sản lượng lương thực cả năm là 501,5 triệu tấn, tăng thêm 3,5 triệu tấn so với năm trước, sản lượng tăng 0,7%, trong đó, sản lượng cây lương thực vụ hè là

115,34 triệu tấn, tăng 1,3%; sản lượng lúa chiêm là 31,96 triệu tấn, tăng 0,3%; sản lượng lương thực vụ thu là 354,2 triệu tấn, tăng 0,6%.

**Biểu đồ 5: Sản lượng lương thực và tốc độ tăng trưởng năm 2003 - 2007**



Sản lượng bông cả năm là 7,6 triệu tấn, tăng 1,3% so với năm trước. Sản lượng dầu nguyên liệu thực vật là 24,61 triệu tấn, giảm 4,2%. Sản lượng đường nguyên liệu là 111,1 triệu tấn, tăng 11,4%. Sản lượng thuốc lá sấy là 2,39 triệu tấn, giảm 3,9%. Sản lượng chè là 1,14 triệu tấn, tăng 10,9%.

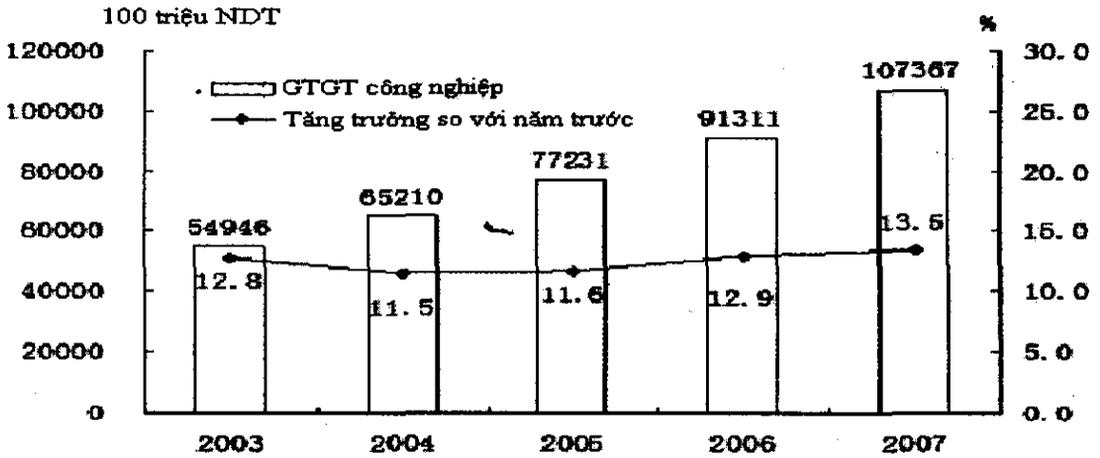
Tổng sản lượng thịt các loại cả năm là 68 triệu tấn, giảm 3,5% so với năm trước. Trong đó, thịt lợn giảm 9,2%; thịt bò, cừu tăng lần lượt là 6,1 và 5,8%. Sản lượng thủy sản cả năm là 47,37 triệu tấn, tăng trưởng 3,3%. Sản lượng vật liệu gỗ là 69,74 m<sup>3</sup>, tăng trưởng 5,5%.

Diện tích tưới tiêu hiệu quả tăng mới cả năm là 1,07 triệu ha, diện tích tưới tiêu tiết kiệm nước tăng mới là 1,36 triệu ha.

**3. Ngành công nghiệp và xây dựng**

Toàn bộ giá trị gia tăng công nghiệp cả năm là 10.736,7 tỉ NDT, tăng 13,5% so với năm trước. Giá trị gia tăng công nghiệp có qui mô tăng trưởng 18,5%, trong đó doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nhà nước có cổ phần khống chế tăng trưởng 13,8%; doanh nghiệp tập thể tăng trưởng 11,5%, doanh nghiệp cổ phần hoá tăng trưởng 20,6%, doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp do Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao đầu tư tăng trưởng 17,5%; doanh nghiệp tư nhân tăng trưởng 26,7%. Phân theo công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, công nghiệp nhẹ tăng trưởng 16,3%, công nghiệp nặng tăng trưởng 19,6%.

**Biểu đồ 6: GTGT công nghiệp và tốc độ tăng trưởng năm 2003 - 2007**



Cả năm trong số các ngành công nghiệp có qui mô, giá trị gia tăng ngành khai thác và lọc rửa than đá tăng trưởng 18,1% so với năm trước, ngành khai thác dầu mỏ và khí thiên nhiên tăng trưởng 3,9%, ngành dệt tăng trưởng 16,2%, ngành gia công thực phẩm nông nghiệp tăng trưởng 16,9%, ngành chế tạo thiết bị thông dụng tăng trưởng 24,2%, ngành chế tạo thiết bị giao thông vận tải tăng trưởng 26,2%, ngành chế tạo thiết bị thông tin, máy tính và các thiết bị điện tử khác tăng trưởng 18%, ngành chế tạo cơ khí điện khí và khí tài tăng trưởng 21,5%. 6 ngành tiêu phí năng lượng cao tăng trưởng 18,9% so với năm trước, trong đó, ngành chế biến sản phẩm từ khoáng sản phi kim loại tăng trưởng 24,7%, ngành luyện kim đen và gia công cán kéo kim loại đen tăng trưởng 21,4%, ngành chế tạo chế biến sản phẩm hoá học và nguyên liệu hoá học tăng trưởng

21%, ngành luyện kim màu và gia công cán kéo kim loại màu tăng trưởng 17,8%, ngành sản xuất và cung ứng điện lực, nhiệt lực tăng trưởng 13,8%, ngành gia công dầu mỏ và gia công nhiên liệu hạt nhân tăng trưởng 13,4%. Giá trị gia tăng nhóm ngành nghề kỹ thuật cao tăng trưởng 17,8% so với năm trước. Từ tháng 1 đến tháng 11, các doanh nghiệp công nghiệp có qui mô trong cả nước thực hiện lợi nhuận đạt 2.295,1 tỉ NDT, tăng trưởng 36,7% so với cùng kỳ năm trước.

Cả năm toàn ngành xây dựng xã hội thực hiện giá trị gia tăng là 1.401,4 tỉ NDT, tăng trưởng 12,6% so với năm trước. Cả năm các doanh nghiệp ngành xây dựng có năng lực tổng thầu và bao thầu chuyên nghiệp thực hiện lợi nhuận là 147 tỉ NDT, tăng trưởng 23,2%; giao nộp thuế là 166,1 tỉ NDT, tăng trưởng 18,5%.

Theo Cục Thống kê Nhà nước nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa

Ngày 28 - 2 - 2008

NGUYỄN THANH GIANG giới thiệu (Còn nữa)